

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2021/HSST**  
Ngày: 16/7/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Hùng Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Duy Khải

2. Bà Trần Thị Thanh Miên

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Chu Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2021/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Ngọc T (Tên gọi khác: Trọng đen); sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Phước.

HKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy.

Con ông Lê Ngọc P, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Bạch L, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có 04 chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1992, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ là Tạ Thị Thanh H, sinh năm: 1991 và 02 con, con lớn sinh năm: 2012, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án: (03)

- Ngày 13/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tại bản án số 137/2013/HSST ngày 13/9/2013;

- Ngày 14/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tại bản án số 93/2016/HSST ngày 14/9/2016;

- Ngày 29/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự, tại bản án số 19/2016/HSST (ngày thực hiện hành vi phạm tội 02/3/2015); Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 15/4/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

#### **Những người tham gia tố tụng:**

- Người bị hại:

Ông Vũ Văn T, sinh năm 1982 và bà Đậu Thị B, sinh năm 1984. (Có mặt tại phiên tòa)

Cùng trú tại: Thôn 1, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng:

Anh Lê Thành P, sinh năm: 1992. (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 14 giờ ngày 30/11/2020, Lê Ngọc T gặp S (chưa rõ nhân thân lai lịch) tại quán nước giải khát thuộc thôn 11, xã A, huyện C, tỉnh Bình Phước. Tại đây, S rủ T đi trộm cắp gà về bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu vàng đen (không rõ BKS) đi theo hướng thôn 1, xã D, huyện B tìm kiếm nhà người dân không có người trông coi để trộm cắp gà. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, khi đi qua nhà anh Vũ Văn Thái, sinh năm 1982, trú tại thôn 1, xã D thì T thấy không có ai ở nhà nên T, S nảy sinh ý

định vào nhà anh Th bắt trộm gà. Lúc này, S dừng xe lại, đứng ở ngoài đường cảnh giới, còn T đi vào chuồng gà của nhà anh Th nhưng không thấy có gà. Tại đây, T phát hiện trên chuồng gà có để 02 máy phát cỏ (01 máy phát cỏ của Nhật, đầu máy màu vàng, động cơ 02 thì, chạy xăng pha nhớt và 01 máy phát cỏ của Nhật, đầu máy màu đen, động cơ 02 thì, chạy xăng pha nhớt) nên T lấy 02 máy phát cỏ này rồi đi ra vị trí S đang cảnh giới. Cùng lúc này, anh Thái nghe tiếng chó sủa nên Thái cầm dao đi từ dưới vườn lên phát hiện T đang cầm 02 phát cỏ của mình trên tay nên anh Thái truy hô thì T leo lên xe mô tô cầm theo 02 máy phát cỏ rồi cùng S điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Thấy vậy, anh Thái cầm dao đuổi theo chém về phía của T nhưng không trúng, đồng thời Thái đuổi theo T nhưng không kịp nên Thái đến Công an xã Long Hà trình báo sự việc. Còn đối với T, S thì sau khi lấy trộm được T sản, T và S điều khiển xe mô tô chạy về hướng xã Long Bình rồi dừng xe ở lô cao su. Tại đây, T kiểm tra 02 máy phát cỏ thì phát hiện máy đã cũ, không khởi động được nên đã vứt bỏ 02 máy phát cỏ ở ven đường rồi S chở T đi về nhà của T, còn S đi về xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập. Đến ngày 25/02/2021, Lê Ngọc T đến Cơ quan Công an huyện Phú Riềng đầu thú. Quá trình điều tra, Lê Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 30/11/2020, 01 máy phát cỏ của Nhật, đầu máy màu vàng, động cơ 02 thì, chạy xăng pha nhớt có trị giá là 2.125.000 đồng và 01 máy phát cỏ của Nhật, đầu máy màu đen, động cơ 02 thì, chạy xăng pha nhớt có trị giá là 2.312.000 đồng. Tổng giá trị T sản bị chiếm đoạt là 4.437.500đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

#### *Về vật chứng vụ án:*

Đối với 02 máy phát cỏ mà Lê Ngọc T lấy trộm được, qua làm việc T khai nhận đã vứt tại lô cao su. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu vàng đen (không rõ BKS) mà Lê Ngọc T cùng với đối tượng tên S (không rõ nhân thân, lai lịch) dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra Lê Ngọc T khai nhận xe mô tô trên là của S, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với S nên không thu giữ được xe mô tô trên. Do đó, Viện kiểm sát không đề cập đến.

*Về trách nhiệm dân sự:*

Quá trình điều tra, người bị hại anh Vũ Văn Th, chị Đậu Thị B yêu cầu bị can Lê Ngọc T bồi thường số tiền 7.100.000 đồng, bị can Lê Ngọc T đồng ý bồi thường theo yêu cầu nhưng Lê Ngọc T chưa thực hiện việc bồi thường. Tại phiên tòa, người bị hại Vũ Văn Thái, chị Đậu Thị Bình yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá 02 máy phát cỏ bị chiếm đoạt với số tiền 4.437.500 đồng. Bị cáo Lê Ngọc T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường một phần cho người bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 30/CTr-VKS ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Ngọc T về tội “Trộm cắp T sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T (Tên gọi khác: Trọng đen) phạm tội “Trộm cắp T sản”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Ngọc T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng còn đề nghị xử lý về vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi phạm tội, cũng như tội danh theo bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Riềng đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến. Tại phiên tòa, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Ngọc T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố. Phù hợp với các chứng cứ, T liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân, nên vào khoảng hơn 14 giờ, ngày 30/11/2020, tại thôn 1, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước, Lê Ngọc T lợi dụng việc vợ chồng anh Vũ Văn Thái, Đậu Thị Bình không có người trông coi T sản, Lê Ngọc T đã lén lút chiếm đoạt 02 máy phát cỏ. Căn cứ bản kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 30/11/2020, 01 máy phát cỏ của Nhật, đầu máy màu vàng, động cơ 02 thì, chạy xăng pha nhớt có trị giá là 2.125.000 đồng và 01 máy phát cỏ của Nhật, đầu máy màu đen, động cơ 02 thì, chạy xăng pha nhớt có trị giá là 2.312.000 đồng. Tổng giá trị T sản bị chiếm đoạt là 4.437.500đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Do đó hành vi bị cáo Lê Ngọc T thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo Lê Ngọc T có tiền án, như sau: Ngày 13/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tại bản án số 137/2013/HSST ngày 13/9/2013; Ngày 14/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tại bản án số 93/2016/HSST ngày 14/9/2016; Ngày 29/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự, tại bản án số 19/2016/HSST. Như vậy, bị cáo phạm tội và đã bị xét xử với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm (chưa được xóa án tích). Nay bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó lần phạm tội này của bị cáo Lê Ngọc T thuộc trường hợp định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt T sản của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện ra đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đã bồi thường một phần để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ, hậu quả về hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Đối với đối tượng tên S là người cùng với Lê Ngọc T đi trộm cắp T sản của anh Vũ Văn Thái (theo lời khai của T), do hiện nay chưa xác định được nhân thân lai lịch của S, nên Cơ quan Công an huyện Phú Riềng tách riêng ra để tiếp tục tiến hành xác minh xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Ngọc T (theo lời khai của T), Cơ quan Công an huyện Phú Riềng đã tách riêng hồ sơ ra để xử lý sau nên HĐXX không xem xét

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại ông Vũ Văn Th bà Đậu Thị B yêu cầu bị cáo Lê Ngọc T bồi thường giá trị của 02 máy phát cỏ với tổng số tiền số tiền 4.437.500đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Lê Ngọc T đã nộp trước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để bồi thường và đồng ý bồi thường số tiền còn lại 3.437.500đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo

yêu cầu của người bị hại. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền bồi thường còn lại 3.437.500đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 máy phát cỏ mà Lê Ngọc T lấy trộm được, qua làm việc T khai nhận đã vứt tại lô cao su. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy, không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu vàng đen (không rõ BKS) mà Lê Ngọc T cùng với đối tượng tên S (không rõ nhân thân, lai lịch) dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra Lê Ngọc T khai nhận xe mô tô trên là của S, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với S và không thu giữ được xe mô tô trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc T (Trọng đen) phạm tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2021.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Ngọc T về việc đồng ý bồi thường cho người bị hại Vũ Văn Th, Đậu Thị B số tiền phải bồi thường còn lại là 3.437.500đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Người bị hại Vũ Văn Th, Đậu Thị B liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng để nhận số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo Lê Ngọc T đã nộp để bồi thường thiệt hại.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[3]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Do vật chứng vụ án không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý vật chứng.

[4]. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Hùng Dũng**